

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Đông

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 05-5-2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị L; địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Dương Văn H; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-5-2021, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 02-7-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị L trình bày chị và anh Dương Văn H tổ chức tiệc cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ngày 21-12-2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2018. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H. Thời gian chung sống anh chị có một con chung tên Dương Thạch Thanh H2 (sinh ngày 21-11-2014) hiện đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu giao con chung cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung tự

thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung giữa không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, chị L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không lý do và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của chị L là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và chị L có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; anh H có nơi thường trú tại Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, chị L vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn đã được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2012 (quyển số 01/2012) ngày 21-12-2012 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo chị L trình bày sau khi kết hôn thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Qua xác minh địa phương và người thân anh H không biết rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn giữa anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn và đoàn tụ nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hai bên đã sống ly thân và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng cho con: Chị L trình bày chị và anh H có một con chung tên Dương Thạch Thanh H2 (sinh ngày 21-11-2014) hiện đang sống cùng chị ở Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu khi ly hôn giao cháu cho chị tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện H, tỉnh Bạc Liêu nơi cháu H2 sinh sống ý kiến cho rằng chị L đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm học 2020-2021 cháu H2 là học lớp 1 Trường tiểu học Nguyễn Văn Ưông, cháu đang sống cùng với ông bà ngoại tại Ấp A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; về kinh tế gia đình chị L không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của xã. Xét thấy, hiện cháu H2 do chị L cùng gia đình chị trực tiếp chăm sóc, cháu đang đi học với sức khỏe tốt và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị L. Vì vậy, để tránh sự thay đổi ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống của cháu, cần giao cháu H2 cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của chị L; ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án; vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án; vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị L với anh Dương Văn H về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị L được ly hôn với chị Dương Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Dương Thạch Thanh H2 (sinh ngày 21-11-2014) cho chị Thạch Thị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị Thạch Thị L về việc không yêu cầu anh Dương Văn H cấp dưỡng cho con; anh Dương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Thạch Thị L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Thạch Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Thạch Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008368 ngày 04-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn L (H.TT);
- UBND xã Đ (Bạc Liêu);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân